

Bản án số: 240/2024/DS-PT

Ngày: 30-5-2024

“Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

• **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1 Bà Trần Thị Kim Sang;

2 Ông Hồ Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G: ông Đặng Tấn L, là Luật sư của Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: ông Ngô Văn L1, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà T1, bà L2, ông C, ông T2, ông T3: bà Phạm Thị G, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

6. Ông Phạm Văn S1, sinh năm 1950 (chết ngày 01-9-2022).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn S1:

+ Anh Phạm Hồng T4, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin vắng mặt.

+ Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin vắng mặt.

+ Anh Phạm Quốc D, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin vắng mặt.

+ Anh Phạm Quốc C1, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; xin vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Mộng T5, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang đi hợp tác lao động tại Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà G trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà G được ông bà nội bà chia cho. Đất của cha mẹ ông T giáp ranh với đất của cha mẹ bà G nên trong quá trình sử dụng đất ông T cho rằng phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông T, nên ông T rào lại không cho gia đình bà đi lại, các loại cây có trên đất đã có từ đời ông cố bà G để lại.

Bà G khởi kiện yêu cầu ông T trả lại cho anh em bà G gồm bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 được quyền quản lý sử dụng diện tích đất qua đo đạc thực tế là 225,8m², thuộc thửa số 17, 24; tờ bản đồ số 73; tại Á, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vì nguồn gốc đất này của mẹ bà G là bà Phạm Thị S2 đã được cấp giấy đất, cha mẹ bà G chết nhưng chưa chia thừa kế.

Bị đơn ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông L1 trình bày: Diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông T do cha mẹ ông T để lại cho ông T quản lý sử dụng từ trước đến nay. Các cây trồng trên đất là của nhà ông T trồng và thu hoạch. Nay ông T không đồng ý với yêu cầu của bà G.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G đối với ông Phạm Văn T.

Buộc ông Phạm Văn T tháo dỡ hàng rào trả cho bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 diện tích đất 225,8m², các thửa số 17, 24 và 955, tờ bản đồ số 73, có tứ cận: Đông giáp đường đất dài 26,24m + 24,52m; tây giáp thửa 24 và 17 dài 22,20m + 13,10m + 15,72m; nam giáp đường đất dài 3,33m; bắc giáp thửa 955 dài 8,73m. Đất tọa lạc ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 được quyền sở hữu chung các tài sản có trên đất gồm: 01 bụi tầm vông 10 cây; 01 bụi tầm vông 100 cây; 04 bụi tầm vông mỗi bụi 50 cây; 01 cây tràm; 05 cây lồng mứt; 01 cây mít; 02 cây xương máu; 01 cây tràm vàng. Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn T số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 13-10-2023, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc huỷ án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, thiếu người tham gia tố tụng và công nhận đất cho người chết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn T trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T; huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Đối với ông Phạm Văn S1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chết ngày 01-9-2022; vợ ông ông là bà Nguyễn Thị C2 (chết năm 2017), ông S1 có 05 người con gồm: Phạm Hồng T4, Phạm Hồng Q, Phạm Quốc D, Phạm Quốc C1 có đơn tự nguyện đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Văn S1 và xin được giải quyết vắng mặt; do đó nên cần chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T, nhận thấy:

Ông T trình bày nguồn gốc đất tranh chấp do ông nội là cụ ông Phạm Văn H chia cho cha mẹ ông T. Bà G cũng cho rằng đất này cụ H chia cho cha mẹ bà G và bà Phạm Thị S2 (mẹ bà G) được cấp giấy đất; khi bà S2 chết, bà G cùng anh em bà G gồm các ông bà S1, T1, L2, C, T2, Thất quản lý đất. Ông T trình bày, đất do cụ H cho cha ông T là ông Phạm Văn N; khi ông N chết, ông T cùng anh em ông T gồm các ông bà R, C3, C4, L3 quản lý sử dụng và khai thác tầm vong trên đất.

Theo ông T trình bày đất tranh chấp cha mẹ ông T quản lý sử dụng, khi cha mẹ chết thì ông T tiếp tục sử dụng cho đến nay; đất tranh chấp đã có rào ranh đất do ông T3 (em bà G) làm từ năm 2012 đến nay. Bà G trình bày, bà G về ở trên đất giáp ranh đất tranh chấp từ năm 2022, khi đó đất tranh chấp đã có hàng rào giáp ranh đất do ông T3 (em bà G) làm năm 2017 đến nay và phần hàng rào còn lại do ông T làm.

Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà G khởi kiện yêu cầu ông T trả lại đất tranh chấp cho anh em bà G, vì bà S2 là mẹ bà G đã được cấp giấy đất và cho ông T mượn đất sử dụng để bán cây tầm vong lấy tiền cúng giỗ ông bà nhưng bà G không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà G về việc bà S2 (mẹ bà G) được cấp giấy đất và việc cho ông T mượn đất tranh chấp. Tại Văn bản số 805/VPĐKĐĐ-CNGD ngày 13-3-2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh G1 thể hiện: thửa đất số 17, 24; tờ bản đồ 73 (BĐ 2005); đối chiếu qua hệ thống bản đồ CT-299 là thửa 955, 956, 957, 958, 959; tờ bản đồ 10 (BĐ 299) chưa ai đăng ký trong hồ sơ địa chính (bút lục 72), nên bà G cho rằng bà S2 (mẹ bà G) đã được cấp giấy đất tranh chấp là

không có cơ sở. Bà G, ông T đều xác định đất tranh chấp đã có rào ranh đất và do gia đình ông T quản lý sử dụng từ trước đến nay, hiện tại chưa ai đăng ký trong hồ sơ địa chính nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm; Kiểm sát viên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, vì đưa thiếu người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Phạm Văn S1 (đã chết); nhận thấy, bản án sơ thẩm có thiếu sót nhưng do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị G (em ông S1) nên không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm; do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tranh chấp là 25.000.000 đồng. Ghi nhận bà G đã nộp và chi phí xong.

[4] Về án phí dân sự:

4.1. Do sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà G là người cao tuổi nên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định.

4.2. Do chấp nhận kháng cáo nên ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn T,
2. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Căn cứ vào Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228; Điều 471 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của bà Phạm Thị G đối với ông Phạm Văn T, về yêu cầu ông Phạm Văn T trả cho bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn S1, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Văn C, ông Phạm Văn T2, ông Phạm Văn T3 diện tích đất 225,8m², thửa đất số 17, 24; tờ bản đồ 73 (BĐ 2005), tại ấp R, xã T huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng: bà Phạm Thị G phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tranh chấp là 25.000.000 đồng. Ghi nhận bà G đã nộp và chi phí xong.

5. Về án phí dân sự:

5.1. Bà Phạm Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm dân sự.

5.2. Ông Phạm Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025937, ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn